**ĐÁNH GIÁ QUYỂN ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP**

(Dùng cho giảng viên hướng dẫn)

Tên giảng viên đánh giá:

Họ và tên sinh viên: MSSV:

Tên đồ án:

**Chọn các mức điểm phù hợp cho sinh viên trình bày theo các tiêu chí dưới đây:**

Rất kém (1); Kém (2); Đạt (3); Giỏi (4); Xuất sắc (5)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành (20)** | | | | | | |
| 1 | Nêu rõ tính cấp thiết và quan trọng của đề tài, các vấn đề và các giả thuyết (bao gồm mục đích và tính phù hợp) cũng như phạm vi ứng dụng của đồ án | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 2 | Cập nhật kết quả nghiên cứu gần đây nhất (trong nước/quốc tế) | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 3 | Nêu rõ và chi tiết phương pháp nghiên cứu/giải quyết vấn đề | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 4 | Có kết quả mô phỏng/thực nghiệm và trình bày rõ ràng kết quả đạt được | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **Có khả năng phân tích và đánh giá kết quả (15)** | | | | | | |
| 5 | Kế hoạch làm việc rõ ràng bao gồm mục tiêu và phương pháp thực hiện dựa trên kết quả nghiên cứu lý thuyết một cách có hệ thống | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 6 | Kết quả được trình bày một cách logic và dễ hiểu, tất cả kết quả đều được phân tích và đánh giá thỏa đáng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 7 | Trong phần kết luận, tác giả chỉ rõ sự khác biệt (nếu có) giữa kết quả đạt được và mục tiêu ban đầu đề ra đồng thời cung cấp lập luận để đề xuất hướng giải quyết có thể thực hiện trong tương lai | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **Kỹ năng viết quyển đồ án (10)** | | | | | | |
| 8 | Đồ án trình bày đúng mẫu quy định với cấu trúc các chương logic và đẹp mắt (bảng biểu, hình ảnh rõ ràng, có tiêu đề, được đánh số thứ tự và được giải thích hay đề cập đến; căn lề thống nhất, có dấu cách sau dấu chấm, dấu phảy v.v.), có mở đầu chương và kết luận chương, có liệt kê tài liệu tham khảo và có trích dẫn đúng quy định | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 9 | Kỹ năng viết xuất sắc (cấu trúc câu chuẩn, văn phong khoa học, lập luận logic và có cơ sở, từ vựng sử dụng phù hợp v.v.) | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **Thành tựu nghiên cứu khoa học (5)** *(chọn 1 trong 3 trường hợp)* | | | | | | |
| 10a | Có bài báo khoa học được đăng hoặc chấp nhận đăng/Đạt giải SVNCKH giải 3 cấp Viện trở lên/Có giải thưởng khoa học (quốc tế hoặc trong nước) từ giải 3 trở lên/Có đăng ký bằng phát minh, sáng chế | 5 | | | | |
| 10b | Được báo cáo tại hội đồng cấp Viện trong hội nghị SVNCKH nhưng không đạt giải từ giải 3 trở lên/Đạt giải khuyến khích trong các kỳ thi quốc gia và quốc tế khác về chuyên ngành (VD: TI contest) | 2 | | | | |
| 10c | Không có thành tích về nghiên cứu khoa học | 0 | | | | |
| **Điểm tổng** | | **/50** | | | | |
| **Điểm tổng quy đổi về thang 10** | |  | | | | |

***Nhận xét khác*** *(về thái độ và tinh thần làm việc của sinh viên)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | Ngày: … / … / 20…  **Người nhận xét**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

**ĐÁNH GIÁ QUYỂN ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP**

(Dùng cho cán bộ phản biện)

Giảng viên đánh giá:

Họ và tên sinh viên: MSSV:

Tên đồ án:

**Chọn các mức điểm phù hợp cho sinh viên trình bày theo các tiêu chí dưới đây:**

Rất kém (1); Kém (2); Đạt (3); Giỏi (4); Xuất sắc (5)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành (20)** | | | | | | |
| 1 | Nêu rõ tính cấp thiết và quan trọng của đề tài, các vấn đề và các giả thuyết (bao gồm mục đích và tính phù hợp) cũng như phạm vi ứng dụng của đồ án | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 2 | Cập nhật kết quả nghiên cứu gần đây nhất (trong nước/quốc tế) | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 3 | Nêu rõ và chi tiết phương pháp nghiên cứu/giải quyết vấn đề | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 4 | Có kết quả mô phỏng/thực nghiệm và trình bày rõ ràng kết quả đạt được | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **Có khả năng phân tích và đánh giá kết quả (15)** | | | | | | |
| 5 | Kế hoạch làm việc rõ ràng bao gồm mục tiêu và phương pháp thực hiện dựa trên kết quả nghiên cứu lý thuyết một cách có hệ thống | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 6 | Kết quả được trình bày một cách logic và dễ hiểu, tất cả kết quả đều được phân tích và đánh giá thỏa đáng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 7 | Trong phần kết luận, tác giả chỉ rõ sự khác biệt (nếu có) giữa kết quả đạt được và mục tiêu ban đầu đề ra đồng thời cung cấp lập luận để đề xuất hướng giải quyết có thể thực hiện trong tương lai | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **Kỹ năng viết quyển đồ án (10)** | | | | | | |
| 8 | Đồ án trình bày đúng mẫu quy định với cấu trúc các chương logic và đẹp mắt (bảng biểu, hình ảnh rõ ràng, có tiêu đề, được đánh số thứ tự và được giải thích hay đề cập đến; căn lề thống nhất, có dấu cách sau dấu chấm, dấu phảy v.v.), có mở đầu chương và kết luận chương, có liệt kê tài liệu tham khảo và có trích dẫn đúng quy định | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 9 | Kỹ năng viết xuất sắc (cấu trúc câu chuẩn, văn phong khoa học, lập luận logic và có cơ sở, từ vựng sử dụng phù hợp v.v.) | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **Thành tựu nghiên cứu khoa học (5)** *(chọn 1 trong 3 trường hợp)* | | | | | | |
| 10a | Có bài báo khoa học được đăng hoặc chấp nhận đăng/Đạt giải SVNCKH giải 3 cấp Viện trở lên/Có giải thưởng khoa học (quốc tế hoặc trong nước) từ giải 3 trở lên/Có đăng ký bằng phát minh, sáng chế | 5 | | | | |
| 10b | Được báo cáo tại hội đồng cấp Viện trong hội nghị SVNCKH nhưng không đạt giải từ giải 3 trở lên/Đạt giải khuyến khích trong các kỳ thi quốc gia và quốc tế khác về chuyên ngành (VD: TI contest) | 2 | | | | |
| 10c | Không có thành tích về nghiên cứu khoa học | 0 | | | | |
| **Điểm tổng** | | **/50** | | | | |
| **Điểm tổng quy đổi về thang 10** | |  | | | | |

***Nhận xét khác của cán bộ phản biện***

|  |  |
| --- | --- |
|  | Ngày: … / … / 20…  **Người nhận xét**  (Ký và ghi rõ họ tên) |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HƯỚNG DẪN CHO ĐIỂM BÁO CÁO ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP TẠI HỘI ĐỒNG BẢO VỆ** | | | | | | | | | | | | |
| **Điểm theo thang 4** | **Điểm thành phần**  **(thang 10)** | **Các tiêu chí chấm điểm và điều kiện để đạt điểm tương ứng** | | | | | | | | | | |
| **A. Chất lượng slide** | | **B. Chất lượng bài nói** | **C. Chất lượng kết quả trình bày** | | | | **D. Trả lời câu hỏi** | | **E. Kết quả NCKH** | |
| A1. Sử dụng các minh họa (hình ảnh, biểu đồ, v.v.) phù hợp, rõ nét, và dễ hiểu | A2. Không quá nhiều từ trên slide, biết sử dụng keyword; bố cục logic, có số trang | B1. Trình bày tự tin, nói to, rõ ràng, dễ hiểu, lôi cuốn, và đúng thời lượng quy định | C1. Thể hiện đầy đủ kết quả công việc: đặt vấn đề, mục tiêu, kết quả, và kết luận | C2. Làm chủ nội dung bài trình bày, thông tin truyền đạt là tin cậy và chính xác | C3. Có so sánh kết quả đã đạt được (khi làm đồ án) với các nghiên cứu đã có trước đó | C4. Kết quả đồ án có hàm lượng khoa học/độ phức tạp cao | D1. Trả lời ngắn gọn, đủ ý, chính xác, đi thẳng vào vấn đề được hỏi | D2. Nắm vững kiến thức cơ bản liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đồ án | E1. Có bài báo khoa học được đăng hoặc chấp nhận đăng/Đạt SVNCKH giải 3 cấp Viện trở lên/Có giải thưởng khoa học từ giải 3 trở lên/Có đăng ký bằng phát minh, sáng chế | E2. Báo cáo SVNCKH tại hội đồng cấp Viện nhưng không đạt từ giải 3 trở lên/Đạt giải khuyến khích trong các kỳ thi quốc gia và quốc tế về chuyên ngành (VD: TI contest) |
| **4,0** | 9,1 đến 10 | 1. Chất lượng của slide, của bài nói, của kết quả trình bày và trả lời câu hỏi đảm bảo các yêu cầu chi tiết như ở các mục A, B, C, D.  2. Sinh viên bắt buộc phải đạt một (1) trong hai (2) điều kiện nêu ở mục E (kết quả NCKH).  3. Điểm lớn hơn 9,5 chỉ áp dụng với sinh viên đạt điều kiện ở mục E1; điểm tối đa 9,5 áp dụng với sinh viên chỉ đạt điều kiện ở mục E2. | | | | | | | | | | |
| **4,0** | 8,5 đến 9 | 1. Chỉ có một đến hai lỗi nhỏ ở các mục A (chất lượng của slide), B (chất lượng của bài nói), C (chất lượng của kết quả trình bày).  2. Đạt được tất cả các tiêu chí liên quan đến mục D (trả lời câu hỏi).  3. Không bắt buộc phải đạt điều kiện ở mục E (kết quả NCKH). | | | | | | | | | | |
| **3,5** | 8,0 đến 8,4 | 1. Có hơn 2 lỗi nhỏ ở các mục A (chất lượng của slide), B (chất lượng của bài nói), C (chất lượng của kết quả trình bày).  2. Thiếu sự tự tin khi thuyết trình hoặc trả lời câu hỏi còn dài dòng, lan man.  3. Đạt được tiêu chí D2 ở mục D (trả lời câu hỏi).  4. Không bắt buộc phải đạt điều kiện ở mục E (kết quả NCKH). | | | | | | | | | | |
| **3,0** | 7,0 đến 7,9 | 1. Mắc nhiều nhiều lỗi nặng ở các mục A (chất lượng của slide), B (chất lượng của bài nói); hoặc  2. Kết quả công việc chỉ mang nặng tính tìm hiểu lý thuyết (từ sách, báo, internet, v.v.), kết quả mô phỏng sơ sài; hoặc  3. Chưa làm chủ bài trình bày, thiếu sự tự tin khi thuyết trình, trả lời câu hỏi còn dài dòng, lan man.  4. Không bắt buộc phải đạt điều kiện ở mục E (kết quả NCKH) | | | | | | | | | | |
| **2,5** | 5,5 đến6,9 | 1. Mắc nhiều nhiều lỗi nặng ở các mục A (chất lượng của slide), B (chất lượng của bài nói); và  2. Kết quả công việc chỉ là trình bày tìm hiểu lý thuyết (từ sách, báo, internet, v.v.); không có kết quả mô phỏng, lập trình, hay thiết kế phần cứng; và  3. Chưa làm chủ bài trình bày, thiếu sự tự tin khi thuyết trình, chưa nắm vững kiến thức cơ bản liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu/công việc.  4. Không bắt buộc phải đạt điều kiện ở mục E (kết quả NCKH). | | | | | | | | | | |
| < 5.5 | | 1. Không tham gia bảo vệ.  2. Đạo văn. | | | | | | | | | | |